

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *46* /TB -YDHP

Hải Phòng, ngày *01* tháng *03* năm 2022

THÔNG BÁO

**Hướng dẫn thực hiện quy chế đánh giá kết quả rèn luyện
và xét học bổng cho sinh viên học kỳ I (2021-2022)**

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ – YDHP ngày 02/7/2021 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông báo số 231/TB – YDHP ngày 07 tháng 09 năm 2021 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về triển khai kế hoạch thực hiện các quy định về học bổng, học phí, chế độ chính sách, khen thưởng kỷ luật sinh viên năm học 2021-2022;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ I năm học 2021-2022 của sinh viên toàn trường;

Ban Giám hiệu trường đại học Y Dược Hải Phòng hướng dẫn thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của sinh viên hệ chính quy học kỳ I năm học 2021-2022 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐÁNH GIÁ

Tất cả sinh viên đang theo học hệ đại học chính quy do Trường Đại học Y Dược Hải Phòng tổ chức đào tạo và quản lý.

II. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ

- Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

- Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người được đánh giá.

- Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của sinh viên.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ THANG ĐIỂM

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt như sau:

1.1. Ý thức tham gia học tập : (0-20 điểm)

- Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và thái độ trong học tập;
- b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
- c) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
- d) Kết quả học tập.

1.2. Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường: (0-25 điểm)

- Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong Trường và chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong Trường;
- b) Ý thức bảo vệ tài sản nhà trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, quy định gửi xe;
- c) Ý thức thực hiện nếp sống văn hóa, nội quy, quy định trong trường và nơi cư trú;
- d) Không vi phạm quy chế sinh viên nội trú/ ngoại trú;
- e) Đóng học phí, kinh phí và lệ phí theo quy định đầy đủ đúng hạn.

1.3. Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: (0-20 điểm)

- Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;
- c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

1.4. Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng: (0-25 điểm)

- Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;
- c) Ý thức tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng: hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;
- d) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

1.5. Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: (0-10 điểm)

- Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Trường;
- b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Trường;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Trường;

d) Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Tổng điểm rèn luyện không vượt quá 100 điểm.

3. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- e) Dưới 35 điểm: loại kém.

(Yêu cầu bắt buộc để xếp loại rèn luyện từ loại Khá trở lên khi điểm số ở các điều 1 đến điều 4 đều đạt từ 50% trở lên).

4. Điểm thưởng

4.1. Điểm thưởng được cộng trực tiếp vào tổng điểm của từng cá nhân. Sinh viên đạt giải thưởng trong thi Olympic, sinh viên có thành tích đặc biệt xuất sắc trong các hoạt động khác (công tác Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên, Câu lạc bộ, công tác lớp, các tổ chức ngoài Nhà trường...), được các tổ chức, đơn vị ghi nhận và đề nghị, Giám hiệu sẽ căn cứ vào thành tích cụ thể và đề nghị bằng văn bản của các tổ chức, đơn vị để thưởng ĐRL kịp thời và đảm bảo công bằng, khách quan (Điểm thưởng tối đa là 10 điểm). Điểm thưởng được cộng riêng vào tổng điểm rèn luyện của sinh viên nhưng không vượt quá 100 điểm tối đa tổng điểm rèn luyện.

4.2. Sinh viên làm công tác lãnh đạo các tổ chức (lớp, đoàn, hội ...) được điểm rèn luyện trùng ở nhiều cấp, nhiều tổ chức khác nhau thì chỉ được chọn một điểm rèn luyện cao nhất.

4.3. Sinh viên tham gia các câu lạc bộ, đội nhóm hoặc tham gia các công tác phục vụ cộng đồng cần xin xác nhận của Đoàn thanh niên – Hội sinh viên hoặc chủ nhiệm các câu lạc bộ thì mới được tính điểm cộng trên phiếu đánh giá ĐRL.

5. Trong bảng điểm học kỳ có mục điểm rèn luyện như một môn học (thang điểm 100, không tính vào điểm trung bình học tập), điểm rèn luyện quy đổi toàn khoá theo thang điểm 100 và có xếp loại.

6. Điểm rèn luyện là căn cứ để xét học bổng khuyến khích học tập, xét xử lý học vụ và xét khen thưởng khác (nếu có).

7. Điểm rèn luyện năm học sẽ được Phòng Đào tạo đại học lưu điểm tổng hợp năm học, hồ sơ tốt nghiệp và khen thưởng tốt nghiệp.

8. Đối với sinh viên có ĐRL kém hoặc không đánh giá ĐRL: sau khi hết thời gian khiếu nại (10 ngày kể từ khi công bố kết quả ĐRL), Phòng Đào tạo đại học trình BGH quyết định tạm dừng học theo quy định.



IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Nhà trường đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo quy định tại Chương III của Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định 712/QĐ – YDHP ngày 15/6/2021 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

V. QUY ĐỊNH MỨC HỌC BỔNG

Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học bổng	Mức học bổng
Khá Từ 2.50 đến 3.19	Khá trở lên (Từ 65 đến 100)	Khá 1	950.000
Giỏi Từ 3.20 đến 3.59	Khá (Từ 65 đến 79.9)	Khá 2	1.000.000
Giỏi Từ 3.20 đến 3.59	Tốt trở lên (Từ 80 đến 100)	Giỏi 1	1.100.000
Xuất sắc Từ 3.60 đến 4.00	Khá (Từ 65 đến 79.9)	Giỏi 2	1.100.000
Xuất sắc Từ 3.60 đến 4.00	Tốt (Từ 80 đến 89.9)	Giỏi 3	1.250.000
Xuất sắc Từ 3.60 đến 4.00	Xuất sắc (Từ 90 đến 100)	Xuất sắc	1.350.000

VI. TRÌNH TỰ THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ

STT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
1.	Các GVCN/CVHT tiến hành rà soát điểm tính điểm TBC học kỳ gửi về cho sinh viên rà soát.	GVCN/CVHT	13/3/2022	Bảng điểm TBC theo học kỳ của các lớp.
2.	Gửi thông báo về lớp – tiến hành đánh giá ĐRL	GVCN/CVHT	17/3/2022	Phiếu đánh giá ĐRL của sinh viên.
3.	Các GVCN/CVHT tổng hợp ĐRL (theo mẫu) gửi về cho Cán bộ phụ trách.	GVCN/CVHT	20/3/2022	Bản tổng hợp kết quả ĐRL.
4.	Cán bộ phụ trách import ĐRL vào PM.	Cán bộ phụ trách	22/3/2022	
5.	Các GVCN/CVHT chốt số lượng sinh viên thực học theo học kỳ.	GVCN/CVHT	23/3/2022	File tổng hợp.

6.	Cán bộ phụ trách phân bổ tiền học bổng cho các lớp.	Cán bộ phụ trách	24/3/2022	Bảng tổng hợp quỹ học bổng.
7.	Các GVCN tiến hành xét học bổng và gửi về lớp cho sinh viên rà soát.	GVCN	25/3/2022	DS học bổng dự kiến.
8.	GVCN chốt số lượng học bổng, số tiền thực chi, làm đề xuất xét học bổng theo mẫu được cung cấp.	GVCN	26/3/2022	Bộ hồ sơ gồm: Đơn đề nghị xét HB, file tổng hợp, danh sách học bổng đề xuất.
9.	Cán bộ phụ trách tổng hợp số liệu, mời họp xét HB.	Cán bộ phụ trách	27/3/2022	Giấy mời họp và tài liệu liên quan.
10.	HĐ họp xét HB.	Hội đồng	29/3/2022	BB họp và DS học bổng sau họp.
11.	GVCN hoàn thiện DS học bổng sau khi họp theo mẫu gửi về cho đầu mối.	GVCN	29/3/2022	DS làm quyết định theo mẫu..
12.	Cán bộ phụ trách làm QĐ học bổng và hoàn thiện hồ sơ gửi các bên liên quan.	Cán bộ phụ trách	30/3/2022	Quyết định HB.
13.	Thông báo công khai cho sinh viên và các bên liên quan QĐ cấp học bổng.	P.ĐTĐH	30/3/2022	Quyết định đăng website.
14.	Lưu hồ sơ.	P.ĐTĐH	Hết khóa học	Bộ hồ sơ hoàn chỉnh.

- Trong trường hợp có nhiều sinh viên có điểm học tập bằng tập nhau, sẽ lấy điểm rèn luyện làm tiêu chí ưu tiên.

- Giáo viên chủ nhiệm và với các lớp sinh viên đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên, hoàn thành *Phiếu đánh giá điểm rèn luyện* nộp bản tổng hợp về cho đầu mối tổng hợp **trước ngày 20/3/2022**.

* Đề nghị các lớp sinh viên và đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện thông báo này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Các lớp sinh viên;
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu: VT, ĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Dinh Thị Thanh Mai*



PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Học kỳ..... năm học

Họ tên sinh viên:.....

Lớp:.....

Mã số sinh viên:Ngày đánh giá:.....

Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm cộng/trừ	Sinh viên tự đánh giá	Lớp đánh giá
Điều 1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập	20 điểm			
1.1. Có ý thức và thái độ học tập tốt: Đi học đầy đủ, đúng giờ, không mất trật tự trong giờ học, chuẩn bị làm bài tập đầy đủ	6 điểm			
1.2. Tham gia câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học đầy đủ	4 điểm			
1.3. Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập	2 điểm			
1.4. Kết quả học tập: * Thang điểm 4: Loại yếu, kém (dưới 1,99) Loại trung bình (2 – 2,49) Loại khá (2,5 – 3,19) Loại giỏi (3,2 – 3,59) Loại xuất sắc (3,6 – 4)	0 điểm 3 điểm 4 điểm 6 điểm 8 điểm			
Điểm cộng điều 1: Tham gia các buổi cemina, hội thảo; thành viên đề tài cấp trường cộng 1 điểm/lần; tham gia báo cáo... cộng 2 điểm/lần				
Điểm trừ điều 1: Nghi học không lý do, bỏ tiết, sử dụng điện thoại trong giờ học trừ 2 điểm/lần; Vào học muộn, mất trật tự, không chuẩn bị bài... trừ 1 điểm/lần.				
Điều 2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong trường	25 điểm			
2.1. Chấp hành đầy đủ nội quy, quy chế, quy định của nhà trường	8 điểm			
2.2. Có ý thức bảo vệ tài sản nhà trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, quy định gửi xe.	5 điểm			
2.3. Thực hiện tốt nếp sống văn hóa, nội quy, quy định trong trường và ngoài chỗ ở.	2 điểm			
2.4. Không vi phạm quy chế sinh viên nội trú/ngoại trú	5 điểm			
2.5. Đóng học phí, kinh phí và lệ phí theo quy định đầy đủ đúng thời hạn.	5 điểm			
Điểm trừ điều 2: Vi phạm quy chế thi mức cảnh cáo, cố ý làm hỏng tài sản nhà trường: trừ 25 điểm; Vi phạm quy chế thi mức khiển trách: trừ 10 điểm/lần. Nộp chậm các loại phí; vi phạm Luật cư trú...: trừ 5 điểm. Vi phạm các nội quy, quy định khác của nhà trường: trừ 2 điểm/lần				

Điều 3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	20 điểm			
3.1. Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, học tập, văn hóa, văn nghệ, thể thao.	12 điểm			
3.2. Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội (theo quy định)	5 điểm			
3.3. Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.	3 điểm			
Điểm trừ điều 3: Vi phạm các quy định về phòng, chống ma túy, các tệ nạn xã hội: trừ 20 điểm. Cán bộ lớp vắng mặt giao ban không lý do: trừ 6 điểm/lần. Sinh viên vắng sinh hoạt tập thể: trừ 1 điểm/lần.				
Điều 4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	25 điểm			
4.1. Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng.	10 điểm			
4.2. Tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng: hoạt động công ích, tình nguyện, các công tác xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng. Là thành viên chính thức các câu lạc bộ tình nguyện...	7 điểm			
4.3. Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.	5 điểm			
4.4. Không gây mất đoàn kết.	3 điểm			
Điểm trừ điều 4: Vi phạm an toàn giao thông, an ninh trật tự, tham gia tuyên truyền trái phép...: trừ 25 điểm/lần.				
Điều 5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện	10 điểm			
5.1. Có ý thức, uy tín và hiệu quả công việc cao khi được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác (CLB, đội, nhóm);	3 điểm			
5.2. Có kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác (CLB, đội, nhóm);	3 điểm			
5.3. Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và nhà trường.	2 điểm			
5.4. Đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện được khen thưởng từ cấp trường trở lên.	2 điểm			
Tổng điểm:	100 điểm			
Xếp loại				

Sinh viên

Cán bộ lớp

GV Chủ nhiệm
(Cố vấn học tập)